



Số: 68 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1628/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
đã được kiểm toán**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

## **NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-27

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

##### Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	Giữ chức chủ tịch từ ngày 29/04/2011
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Ủy viên	Thôi chức chủ tịch từ ngày 29/04/2011
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên	

##### Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng giám đốc
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng giám đốc
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Anh Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Anh Dũng	Phó Tổng giám đốc

##### Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Phạm Mạnh Hà**

Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

---

**Lê Đức Minh**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1628/KTV

*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>165.062.703.980</b>	<b>162.560.453.652</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>42.050.088.446</b>	<b>27.625.233.266</b>
111	1. Tiền		1.325.088.446	1.625.233.266
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.725.000.000	26.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	2.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>86.152.439.094</b>	<b>82.698.127.416</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		62.100.737.772	68.129.978.065
132	2. Trả trước cho người bán		2.926.577.700	1.244.255.583
135	5. Các khoản phải thu khác	4	23.844.970.179	13.323.893.768
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.719.846.557)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>34.509.342.240</b>	<b>48.887.686.249</b>
141	1. Hàng tồn kho		34.509.342.240	48.887.686.249
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.350.834.200</b>	<b>849.406.721</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		125.380.700	82.128.300
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	990.616.500	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.234.837.000	767.278.421
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>320.730.410.435</b>	<b>313.847.284.740</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>53.034.000.827</b>	<b>58.068.568.256</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	52.846.891.017	57.151.881.019
222	- Nguyên giá		100.779.336.036	99.694.148.901
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.932.445.019)	(42.542.267.882)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	1.000.000
228	- Nguyên giá		18.000.000	18.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.000.000)	(17.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		187.109.810	915.687.237
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>263.832.207.421</b>	<b>250.959.935.421</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.670.012.312	36.797.740.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		214.162.195.109	214.162.195.109
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.864.202.187</b>	<b>4.818.781.063</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.864.202.187	4.818.781.063
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>485.793.114.415</b>	<b>476.407.738.392</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>119.313.286.212</b>	<b>118.252.564.739</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>118.979.286.212</b>	<b>117.942.564.739</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	39.607.200.000	50.376.862.617
312	2. Phải trả người bán		20.556.627.417	11.663.852.391
313	3. Người mua trả tiền trước		4.403.759.664	8.949.297.688
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.423.567.154	2.581.246.484
315	5. Phải trả người lao động		1.419.099.684	255.950.757
316	6. Chi phí phải trả	13	2.661.584.609	452.142.338
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	40.380.703.208	40.497.398.283
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		5.232.394.892	1.902.993.961
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.294.349.584	1.262.820.220
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>334.000.000</b>	<b>310.000.000</b>
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		334.000.000	310.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>366.479.828.203</b>	<b>358.155.173.653</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>365.708.282.407</b>	<b>357.265.999.285</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.510.470	2.510.470
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.222.118	(386.131)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		100.042.131	100.042.131
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		450.000.000	150.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.154.507.688	37.013.832.815
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>771.545.796</b>	<b>889.174.368</b>
432	1. Nguồn kinh phí		(29.000.000)	(29.000.000)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		800.545.796	918.174.368
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>485.793.114.415</b>	<b>476.407.738.392</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.813.793.877	3.825.930.046
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		318,08	2.085,95

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc

*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	316.878.405.804	251.233.376.353
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	425.153.196	195.048.080
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	316.453.252.608	251.038.328.273
11	4. Giá vốn hàng bán	19	256.958.043.768	201.195.636.242
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.495.208.840	49.842.692.031
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	33.269.177.020	26.502.294.018
22	7. Chi phí tài chính	21	6.858.625.715	5.964.281.895
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.314.578.234	5.164.511.108
24	8. Chi phí bán hàng	22	19.785.741.211	17.076.272.812
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	20.723.232.185	14.729.990.012
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		45.396.786.749	38.574.441.330
31	11. Thu nhập khác		353.920.985	1.146.040.734
32	12. Chi phí khác		196.015.622	329.812.008
40	13. Lợi nhuận khác		157.905.363	816.228.726
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.554.692.112	39.390.670.056
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	4.164.017.239	4.383.147.149
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>41.390.674.873</u>	<u>35.007.522.907</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.293	1.094

---

Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

---

Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		351.947.311.216	275.475.611.636
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(259.083.719.788)	(210.172.562.074)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(26.035.080.889)	(19.369.280.576)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.045.576.683)	(5.194.776.505)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.048.466.489)	(4.514.266.931)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.871.229.013	4.230.054.249
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.585.760.843)	(28.000.481.238)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>45.019.935.537</b>	<b>12.454.298.561</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.012.125.644)	(9.238.884.666)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		340.811.816	414.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(9.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.500.000.000	7.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.872.272.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.932.400.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.216.945.970	18.628.175.332
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>12.173.360.142</b>	<b>12.736.599.757</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		41.641.706.570	115.126.328.115
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(52.411.369.187)	(103.795.214.798)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(32.000.000.000)	(12.800.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(42.769.662.617)</b>	<b>(1.468.886.683)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>14.423.633.062</b>	<b>23.722.011.635</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		27.625.233.266	3.903.607.762
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.222.118	(386.131)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>42.050.088.446</u>	<u>27.625.233.266</u>

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

**1 . THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

#####

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 320.000.000.000 VND. Tương đương 32.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

**Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	KCN Lê Minh Xuân, Quận Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Xóm 6, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

**Công ty có các công ty liên kết sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Số 44B, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 1.222.118 đồng sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	122.947.551	128.647.753
Tiền gửi ngân hàng	1.202.140.895	1.496.585.513
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	40.725.000.000	26.000.000.000
	<b>42.050.088.446</b>	<b>27.625.233.266</b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	23.133.787.200	13.176.743.400
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	2.262.962
Phải thu khác	711.182.979	144.887.406
	<b>23.844.970.179</b>	<b>13.323.893.768</b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.879.455.043	18.558.951.114
Công cụ, dụng cụ	406.832.203	429.180.366
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.503.148.765	3.184.337.593
Thành phẩm	21.715.473.953	24.335.501.712
Hàng hoá	2.004.432.276	2.379.715.464
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>34.509.342.240</b>	<b>48.887.686.249</b>

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	990.616.500	-
	<b>990.616.500</b>	<b>-</b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.234.837.000	657.211.060
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	110.067.361
	<b>1.234.837.000</b>	<b>767.278.421</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>36.222.265.343</b>	<b>51.690.067.994</b>	<b>10.175.651.164</b>	<b>1.606.164.400</b>	-	<b>99.694.148.901</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1.064.068.182</b>	<b>765.405.151</b>	<b>111.500.000</b>	<b>48.088.273</b>	-	<b>1.989.061.606</b>
- Mua sắm mới	-	396.367.500	-	48.088.273	-	444.455.773
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.064.068.182	325.247.651	-	-	-	1.389.315.833
- Nâng cấp cải tạo	-	43.790.000	111.500.000	-	-	155.290.000
<b>Số giảm trong năm</b>	-	<b>(862.844.408)</b>	<b>(41.030.063)</b>	-	-	<b>(903.874.471)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(862.844.408)	(41.030.063)	-	-	(903.874.471)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.286.333.525</b>	<b>51.592.628.737</b>	<b>10.246.121.101</b>	<b>1.654.252.673</b>	-	<b>100.779.336.036</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.595.250.983</b>	<b>24.021.215.966</b>	<b>4.128.944.967</b>	<b>796.855.966</b>	-	<b>42.542.267.882</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1.078.975.922</b>	<b>3.872.317.413</b>	<b>942.470.131</b>	<b>244.158.457</b>	-	<b>6.137.921.923</b>
- Trích khấu hao	1.078.975.922	3.872.317.413	942.470.131	244.158.457	-	6.137.921.923
<b>Số giảm trong năm</b>	-	<b>(747.060.952)</b>	<b>(683.834)</b>	-	-	<b>(747.744.786)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(747.060.952)	(683.834)	-	-	(747.744.786)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.674.226.905</b>	<b>27.146.472.427</b>	<b>5.070.731.264</b>	<b>1.041.014.423</b>	-	<b>47.932.445.019</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>22.627.014.360</b>	<b>27.668.852.028</b>	<b>6.046.706.197</b>	<b>809.308.434</b>	-	<b>57.151.881.019</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.612.106.620</b>	<b>24.446.156.310</b>	<b>5.175.389.837</b>	<b>613.238.250</b>	-	<b>52.846.891.017</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>49.670.012.312</b>	<b>36.797.740.312</b>
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	10.277.743.006	10.277.743.006
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	27.123.525.000	14.251.253.000
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	2.643.853.085	2.643.853.085
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	9.624.891.221	9.624.891.221
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>214.162.195.109</b>	<b>214.162.195.109</b>
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	214.162.195.109	214.162.195.109
	<b>263.832.207.421</b>	<b>250.959.935.421</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất và kinh doanh máy bơm các loại
Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.818.781.063	4.746.391.566
Số tăng trong năm	629.850.079	1.514.397.118
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.584.428.955)	(1.442.007.621)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.864.202.187</b>	<b>4.818.781.063</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	2.864.827.704	3.269.273.967
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	696.350.800	1.112.446.125
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	303.023.683	437.060.971
	<b>3.864.202.187</b>	<b>4.818.781.063</b>

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>39.607.200.000</b>	<b>50.376.862.617</b>
- Vay ngân hàng	-	13.670.862.617
- Vay tổ chức khác	31.402.200.000	28.880.000.000
- Vay cá nhân	8.205.000.000	7.826.000.000
	<b>39.607.200.000</b>	<b>50.376.862.617</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội	-	1.224.577.769
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	12.446.284.848
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam <sup>(1)</sup>	31.072.200.000	20.000.000.000
Trường Cao đẳng công nghệ Hà Nội	200.000.000	8.780.000.000
Công đoàn Công ty	130.000.000	100.000.000
Cán bộ công nhân viên <sup>(2)</sup>	8.205.000.000	7.826.000.000
	<b>39.607.200.000</b>	<b>50.376.862.617</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng vay vốn số 016/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 08/01/2009, hợp đồng vay vốn số 012/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 19/10/2009 và các phụ lục gia hạn hợp đồng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay là 20 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 31/03/2012;
- + Lãi suất cho vay: 14%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp
- + Dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2011 là 20.000.000.000 đồng

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/TBĐVN-HEM ngày 06/04/2011 và các phụ lục, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay là 16.072.200.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 31/03/2012;
- + Lãi suất cho vay: 14%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo
- + Dự nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2011 là 11.072.200.000 đồng

(2) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.052.896.350	411.713.998
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	29.531.402	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.153.760.243	2.038.209.493
Thuế Thu nhập cá nhân	187.379.159	131.322.993
	<b><u>3.423.567.154</u></b>	<b><u>2.581.246.484</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.612.698.109	343.696.558
Trích trước chi phí phải trả khác	48.886.500	108.445.780
	<b><u>2.661.584.609</u></b>	<b><u>452.142.338</u></b>

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	220.000.000	30.000.000
Bảo hiểm xã hội	2.566.991	-
Phải trả về cổ phần hoá	35.208.570.992	35.208.570.992
Phải trả, phải nộp khác	4.949.565.225	5.258.827.291
	<b><u>40.380.703.208</u></b>	<b><u>40.497.398.283</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>(5.971.432)</b>	-	-	<b>15.056.352.039</b>	<b>335.052.891.077</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	35.007.522.907	35.007.522.907
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	100.042.131	150.000.000	(250.042.131)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(12.800.000.000)	(12.800.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	5.971.432	-	-	-	5.971.432
Giảm khác	-	-	(386.131)	-	-	-	(386.131)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>(386.131)</b>	<b>100.042.131</b>	<b>150.000.000</b>	<b>37.013.832.815</b>	<b>357.265.999.285</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	41.390.674.873	41.390.674.873
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	300.000.000	(1.250.000.000)	(950.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	386.131	-	-	-	386.131
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	1.222.118	-	-	-	1.222.118
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>1.222.118</b>	<b>100.042.131</b>	<b>450.000.000</b>	<b>45.154.507.688</b>	<b>365.708.282.407</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26 tháng 03 năm 2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2010	100,00%	35.007.522.907
Trích Quỹ dự phòng tài chính	0,86%	300.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,00%	700.000.000
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0,71%	250.000.000
Chi trả cổ tức bằng 10% vốn điều lệ (đã chi trả trong năm 2011)	91,41%	32.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,02%	1.757.522.907

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	81,48%	260.722.000.000	81,48%	260.722.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	18,52%	59.278.000.000	18,52%	59.278.000.000
	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	32.000.000.000	12.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	32.000.000.000	12.800.000.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ đầu tư phát triển	100.042.131	100.042.131
Quỹ dự phòng tài chính	450.000.000	150.000.000
	<b>550.042.131</b>	<b>250.042.131</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	194.139.062.100	188.052.323.151
Doanh thu bán hàng hóa	85.974.923.728	17.620.966.612
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	35.652.559.976	44.526.436.590
Doanh thu khác	1.111.860.000	1.033.650.000
	<b><u><u>316.878.405.804</u></u></b>	<b><u><u>251.233.376.353</u></u></b>

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	425.153.196	195.048.080
	<b><u><u>425.153.196</u></u></b>	<b><u><u>195.048.080</u></u></b>

**18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	193.713.908.904	187.857.275.071
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	85.974.923.728	17.620.966.612
Doanh thu thuần về dịch vụ sửa chữa	35.652.559.976	44.526.436.590
Doanh thu thuần khác	1.111.860.000	1.033.650.000
	<b><u><u>316.453.252.608</u></u></b>	<b><u><u>251.038.328.273</u></u></b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	150.181.175.784	150.284.788.414
Giá vốn của hàng hóa đã bán	76.484.996.360	16.440.651.937
Giá vốn của dịch vụ sửa chữa	30.291.871.624	34.470.195.891
	<b><u><u>256.958.043.768</u></u></b>	<b><u><u>201.195.636.242</u></u></b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	4.130.202.570	1.364.886.664
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.466.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.043.787.200	22.541.521.527
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	95.187.250	15.549.277
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	114.136.550
	<b><u><u>33.269.177.020</u></u></b>	<b><u><u>26.502.294.018</u></u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.314.578.234	5.164.511.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	544.047.481	799.770.787
	<b><u>6.858.625.715</u></b>	<b><u>5.964.281.895</u></b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	977.930.490	607.825.103
Chi phí nhân công	1.362.792.507	733.183.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.942.821	179.509.501
Chi phí bảo hành	3.490.222.336	2.096.842.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.508.955.224	1.401.205.313
Chi phí khác bằng tiền	11.256.897.833	12.057.706.580
	<b><u>19.785.741.211</u></b>	<b><u>17.076.272.812</u></b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.511.185.963	1.907.353.916
Chi phí nhân công	8.724.493.978	6.661.101.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.138.582.558	952.949.731
Thuế, phí, lệ phí	25.209.000	37.894.250
Chi phí dự phòng	2.719.846.557	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.910.902.817	1.092.046.407
Chi phí khác bằng tiền	4.693.011.312	4.078.644.324
	<b><u>20.723.232.185</u></b>	<b><u>14.729.990.012</u></b>

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.554.692.112	39.390.670.056
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.898.623.155)	(21.858.081.462)
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	145.164.045	3.724.735.050
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(29.043.787.200)	(25.582.816.512)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	16.656.068.957	17.532.588.594
Tổng lợi nhuận tính thuế	16.656.068.957	17.532.588.594
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.164.017.239</b>	<b>4.383.147.149</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.038.209.493	2.169.329.275
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.048.466.489)	(4.514.266.931)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>1.153.760.243</b>	<b>2.038.209.493</b>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	41.390.674.873	35.007.522.907
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.390.674.873	35.007.522.907
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.000.000	32.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.293</b>	<b>1.094</b>

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
		VND	VND
<b>Góp vốn vào công ty</b>			
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	12.872.272.000	-
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	8.221.548.860	28.440.996.640
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	19.769.418.176	15.542.596.530
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	38.254.001.198	21.739.965.004
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	372.817.700	1.106.663.957
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	-	251.227.600
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	53.040.677.619	5.927.244.545
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	5.599.580.620	3.072.559.390
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	2.722.758.584	666.422.230
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	18.917.839.804	18.451.871.396
<b>Vay vốn</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	16.072.200.000	-
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	2.606.000.000	9.430.000.000
<b>Lãi vay vốn</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	4.431.571.620	3.514.999.670
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	320.695.100	154.255.800
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.456.371.200	1.092.278.400
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	3.587.516.000	2.185.775.000
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	382.500.000	357.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	1.805.000.000	1.615.000.000
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	21.812.400.000	16.843.068.127

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	5.637.076.664	2.153.570.119
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	17.867.728.233	2.160.052.917
<b>Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.456.371.200	1.092.278.400
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	3.587.516.000	1.311.465.000
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	382.500.000	357.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	1.045.000.000	950.000.000
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	16.662.400.000	9.466.000.000
<b>Phải thu khác</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	10.180.273
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	4.139.817.869	108.108.460
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	2.049.326.016	1.875.054.568
<b>Phải trả gốc và lãi vay</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	31.072.200.000	20.000.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	200.000.000	8.780.000.000
<b>Phải trả khác</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	35.208.570.992	35.208.570.992

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
 Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
 Tổng Giám đốc

*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>36.222.265.343</b>	<b>51.690.067.994</b>	<b>10.175.651.164</b>	<b>1.606.164.400</b>	-	<b>99.694.148.901</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1.064.068.182</b>	<b>765.405.151</b>	<b>111.500.000</b>	<b>48.088.273</b>	-	<b>1.989.061.606</b>
- Mua sắm mới	-	396.367.500	-	48.088.273	-	444.455.773
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.064.068.182	325.247.651	-	-	-	1.389.315.833
- Nâng cấp cải tạo	-	43.790.000	111.500.000	-	-	155.290.000
<b>Số giảm trong năm</b>	-	<b>(862.844.408)</b>	<b>(41.030.063)</b>	-	-	<b>(903.874.471)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(862.844.408)	(41.030.063)	-	-	(903.874.471)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.286.333.525</b>	<b>51.592.628.737</b>	<b>10.246.121.101</b>	<b>1.654.252.673</b>	-	<b>100.779.336.036</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.595.250.983</b>	<b>24.021.215.966</b>	<b>4.128.944.967</b>	<b>796.855.966</b>	-	<b>42.542.267.882</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1.078.975.922</b>	<b>3.872.317.413</b>	<b>942.470.131</b>	<b>244.158.457</b>	-	<b>6.137.921.923</b>
- Trích khấu hao	1.078.975.922	3.872.317.413	942.470.131	244.158.457	-	6.137.921.923
<b>Số giảm trong năm</b>	-	<b>(747.060.952)</b>	<b>(683.834)</b>	-	-	<b>(747.744.786)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(747.060.952)	(683.834)	-	-	(747.744.786)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.674.226.905</b>	<b>27.146.472.427</b>	<b>5.070.731.264</b>	<b>1.041.014.423</b>	-	<b>47.932.445.019</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>22.627.014.360</b>	<b>27.668.852.028</b>	<b>6.046.706.197</b>	<b>809.308.434</b>	-	<b>57.151.881.019</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.612.106.620</b>	<b>24.446.156.310</b>	<b>5.175.389.837</b>	<b>613.238.250</b>	-	<b>52.846.891.017</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>(5.971.432)</b>	-	-	<b>15.056.352.039</b>	<b>335.052.891.077</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	35.007.522.907	35.007.522.907
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	100.042.131	150.000.000	(250.042.131)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(12.800.000.000)	(12.800.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	5.971.432	-	-	-	5.971.432
Giảm khác	-	-	(386.131)	-	-	-	(386.131)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>(386.131)</b>	<b>100.042.131</b>	<b>150.000.000</b>	<b>37.013.832.815</b>	<b>357.265.999.285</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	41.390.674.873	41.390.674.873
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	300.000.000	(1.250.000.000)	(950.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	386.131	-	-	-	386.131
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	1.222.118	-	-	-	1.222.118
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>1.222.118</b>	<b>100.042.131</b>	<b>450.000.000</b>	<b>45.154.507.688</b>	<b>365.708.282.407</b>